

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

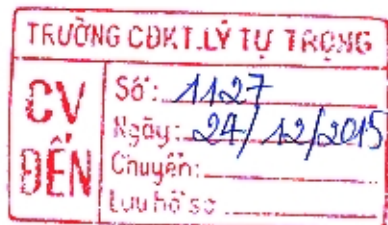
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 4111 / GDĐT-KHTC

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 12 năm 2015

Về thực hiện Thông tư số
162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014.

Kg: *Tây Ninh và Tây Ninh*
(TBVT) nghiên cứu báo
cáo gấp



Kính gửi :

- Hiệu trưởng trường trung học phổ thông;
- Giám đốc trung tâm giáo dục thường xuyên;
- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc.

Căn cứ công văn số 6547/STC-CS ngày 27/8/2015 của Sở Tài chính về việc thực hiện Thông tư 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014 của Bộ Tài chính;

Để có cơ sở tổng hợp trả lời công văn số 6547/STC-CS trong việc ban hành các quy định về:

- Thời gian sử dụng và tỷ lệ tính hao mòn TSCĐ vô hình (theo phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014 của Bộ Tài chính).

- Thời gian sử dụng và tỷ lệ tính hao mòn TSCĐ đặc thù (theo phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014 của Bộ Tài chính).

- Danh mục và giá quy ước TSCĐ đặc biệt (theo phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014 của Bộ Tài chính).

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị thủ trưởng các đơn vị nghiên cứu điểm 1,2,3,4 tại công văn 6547/STC-CS để rà soát báo cáo cụ thể Danh mục tài sản cố định vô hình, tài sản cố định đặc thù, Tài sản cố định đặc biệt hiện đơn vị đang quản lý sử dụng theo biểu mẫu đính kèm.

Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị báo cáo về phòng Kế hoạch – Tài chính (Cô Quỳnh – Cô Thu) trước ngày 28/12/2015.

KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

- Như trên.
- Lưu (VP, KHTC).
- *Đính kèm công văn số 6547/STC-CS.

(Đã ký)

Lê Hoài Nam

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 8 năm 2015.

Số: 6547/STC-CS

V/v Thực hiện Thông tư số
162/2014/TT-BTC ngày
6/11/2014 của Bộ Tài chính.

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TP. HỒ CHÍ MINH

ĐẾN Số: 4898
Ngày: 04/9/15

Kính gửi: Sở Giáo dục và Đào tạo.....

Ngày 06/11/2015, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 162/2014/TT-BTC
Chuyển: về Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định trong các cơ quan
nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà
nước, theo đó quy định như sau:

**1. Tại khoản 2 Điều 3 (Quy định tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định)
quy định:**

2. Tiêu chuẩn nhận biết tài sản cố định vô hình:

Tài sản cố định vô hình là những tài sản không có hình thái vật chất mà
cơ quan, tổ chức, đơn vị đã đầu tư chi phí tạo lập tài sản như: Quyền sử dụng
đất; phần mềm ứng dụng; quyền sở hữu trí tuệ theo quy định tại Luật sở hữu
trí tuệ, thỏa mãn đồng thời cả hai tiêu chuẩn quy định tại khoản 1 Điều này (có
thời gian sử dụng từ 01 năm trở lên; có nguyên giá từ 10.000.000 đồng trở
lên).

2. Tại Điều 4 (Tài sản cố định đặc thù) quy định:

"1. Những tài sản (trừ tài sản là nhà, vật kiến trúc) có nguyên giá từ 5
triệu đồng đến dưới 10 triệu đồng và có thời gian sử dụng trên một năm được
quy định là tài sản cố định đặc thù.

2. Tài sản là trang thiết bị dễ hỏng, dễ vỡ (như thủy tinh, gốm, sành, sứ...) phục vụ nghiên cứu khoa học, thí nghiệm có nguyên giá từ 10 triệu đồng trở lên được quy định là tài sản cố định đặc thù.

3. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này và đặc điểm tài sản sử dụng thực tế của ngành, lĩnh vực; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Danh mục tài sản cố định đặc thù (theo Mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này) thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương cho phù hợp để thống nhất quản lý.

3. Tại Điều 5 (Tài sản cố định đặc biệt) quy định:

1. Tài sản không thể đánh giá được giá trị thực nhưng đòi hỏi phải quản lý chặt chẽ về hiện vật như: các cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng; lăng tẩm; di tích lịch sử được xếp hạng, v.v. được quy định là tài sản cố định đặc biệt.

2. Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu quản lý đối với những tài sản quy định tại Khoản 1 Điều này; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành Danh mục và giá quy ước tài sản cố định đặc biệt (theo Mẫu tại Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này) thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương để thống nhất quản lý.

3. Nguyên giá tài sản cố định đặc biệt: được xác định theo giá quy ước theo quy định tại khoản 2 Điều này để ghi sổ kế toán."

4. Tại khoản 2 Điều 12 (Xác định thời gian sử dụng và tỷ lệ tính hao mòn tài sản cố định) quy định: "Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành quy định:

a) Danh mục, thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định vô hình thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương (theo Mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này).

Thời gian sử dụng tối thiểu của một tài sản cố định vô hình không thấp hơn 4 năm và không vượt quá 50 năm.

Trường hợp cần thiết phải quy định thời gian sử dụng tài sản cố định vô hình dưới 4 năm để phù hợp với tình hình thực tế, thì Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định cụ thể sau khi có ý kiến thống nhất của Bộ quản lý chuyên ngành có liên quan.

b) Thời gian sử dụng và tỷ lệ hao mòn tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương (theo Mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư này).

Để có cơ sở tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố trong việc ban hành các quy định về:

- Thời gian sử dụng và tỷ lệ tính hao mòn TSCĐ vô hình (theo phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014 của Bộ Tài chính).

- Thời gian sử dụng và tỷ lệ tính hao mòn TSCĐ đặc thù (theo phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014 của Bộ Tài chính).

- Danh mục và giá quy ước TSCĐ đặc biệt (theo phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014 của Bộ Tài chính).

Sở Tài chính đề nghị các cơ quan, đơn vị:

Ngoài các loại tài sản cố định hữu hình đã được quy định về thời gian sử dụng và tỷ lệ tính hao mòn tại phụ lục số 1. Đề nghị các cơ quan, đơn vị căn cứ vào quy định tại Điều 3, Điều 4, Điều 5 và khoản a, b Điều 12 để rà soát báo cáo cụ thể Danh mục tài sản cố định vô hình, đặc thù, đặc biệt hiện đơn vị đang quản lý sử dụng theo biểu mẫu tại phụ lục 2,3,4 ban hành kèm theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC ngày 6/11/2014 của Bộ Tài chính. (Riêng đối với tài sản cố định vô hình, trường hợp cần thiết phải quy định thời gian sử dụng dưới 4 năm để phù hợp với tình hình thực tế, đơn vị phải đề xuất, có báo cáo giải trình lý do cụ thể) văn bản và biểu mẫu báo cáo gửi về Sở Tài chính trước ngày 30/ 9 /2015 để tổng hợp.

Sở Tài chính có ý kiến với nội dung nêu trên đến các cơ quan, đơn vị để phối hợp thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên.
- BGĐ Sở (GD, PGDK).
- Lưu: VT.CS *mn*



BÁO CÁO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng(năm)
Loại 1	Quyền tác giả	
	- Tài sản A	
	- Tài sản B	
		
Loại 2	Quyền sở hữu công nghiệp	
	- Tài sản A	
	- Tài sản B	
		
Loại 3	Quyền đối với giống cây trồng	
	- Tài sản A	
	- Tài sản B	
		
Loại 4	Phần mềm ứng dụng	
	- Cơ sở dữ liệu	
	- Phần mềm kế toán	
	- Phần mềm tin học văn phòng	
	- Phần mềm ứng dụng khác	
Loại 5	Tài sản cố định vô hình khác	

BÁO CÁO TÀI SẢN CÓ ĐỊNH ĐẶC THÙ

STT	Danh mục	Thời gian sử dụng (năm)
Loại 1		
	- Tài sản A	
	- Tài sản B	
	- Tài sản C	
Loại 2		
	- Tài sản A	
	- Tài sản B	
	- Tài sản C	
Loại 3		
	- Tài sản A	
	- Tài sản B	
	- Tài sản C	
.....		

Trường THPT:

Phụ lục số 4

(Ban hành kèm theo Thông tư số 162/2014/TT-BTC
ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO TÀI SẢN CÓ ĐỊNH ĐẶC BIỆT

STT	Danh mục	Giá quy ước
Loại 1		
	- Tài sản A	
	- Tài sản B	
	- Tài sản C	
Loại 2		
	- Tài sản A	
	- Tài sản B	
	- Tài sản C	
Loại 3		
	- Tài sản A	
	- Tài sản B	
	- Tài sản C	
		